

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Khu phố T, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Kiên T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L có mặt; anh T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Kiên T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 11/5/2012. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, nhưng mấy năm về sau do quan niệm và cách nhìn nhận cuộc sống của vợ chồng không còn phù hợp nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung nên trước tết năm 2024 chị đã về sống với cha mẹ đẻ tại huyện P, tỉnh Bình Định; chị và anh T sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ để chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Trần Kiên T.

- Về con chung: Chị và anh Trần Kiên T có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/12/2012 và Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 08/01/2019. Hiện nay cháu Đ đang sống cùng với anh T và ông, bà nội; cháu T1 đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao cháu Trần Thị Bảo T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Tiến Đ cho anh Trần Kiên T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2023 và 16/3/2024, bị đơn anh Trần Kiên T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống và làm ăn tại tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị L không quan tâm, chăm sóc chồng con, từ đó vợ chồng có những bất đồng và không hòa hợp. Việc mâu thuẫn như trên giữa vợ chồng anh xảy ra liên tục trong một thời gian dài, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã trở nên nghiêm trọng và vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị L.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị L có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/12/2012 và Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 08/01/2019. Khi ly hôn, anh thống nhất như yêu cầu của chị L về việc giao cháu Trần Thị Bảo T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh nuôi dưỡng cháu Trần Tiến Đ; không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Trường hợp chị L có khó khăn về điều kiện nuôi dưỡng cháu Trần Thị Bảo T1 thì chị L có thể giao cháu T1 cho anh nuôi, do anh có điều kiện kinh tế ổn định, thu nhập trung bình hàng tháng là 12.000.000đồng nên đủ điều kiện nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung và nợ

chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Kiên T; về con chung: Giao con chung Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/12/2012 cho anh Trần Kiên T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về cấp dưỡng cho con: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Kiên T. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Kiên T có nơi cư trú tại Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Trần Kiên T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Kiên T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 11/5/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ ý kiến trình bày của chị Trần Thị L và anh Trần Kiên T trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau được nên đã sống ly thân từ trước tết năm 2024 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn; anh T không đến Tòa án làm việc và có văn bản trình bày đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Trần Kiên T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự có căn cứ xác định: Chị Trần Thị L và anh Trần Kiên T có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/12/2012 và Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 08/01/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều yêu cầu Tòa án giao cháu Trần Tiến Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Bảo T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị L và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Tiến Đạt đang sống với anh T và ông, bà nội, cháu Đ trình bày có nguyện vọng được sống với cha; cháu Trần Thị Bảo T1 là nữ, tuổi còn nhỏ và đang sống cùng với chị L. Do đó, việc chị L và anh T yêu cầu Tòa án giao cháu Đ cho anh T và giao cháu T1 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên khi cha, mẹ ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giúp ổn định cuộc sống và đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho các con chung của anh T và chị L nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị L và anh Trần Kiên T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị L phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Kiên T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Trần Kiên T có 02 (hai) con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/12/2012 và Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 08/01/2019. Giao con chung Trần Tiến Đ cho anh Trần Kiên T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Trần Thị Bảo T1 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001205 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị L phải chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Lê Phong